PHÒNG GD- ĐT THỊ XÃ ĐIỆN BÀN TRƯỜNG THCS LÝ TỰ TRỌNG	KIỂM TRA GIỮA KỲ I NĂM HỌC 2023-2024 Môn: TOÁN – LỚP 6 Thời gian: 60 phút (không kể thời gian giao đề)

ĐỀ CHÍNH THỨC

I. TRẮC NGHIỆM: *(3,0 điểm)*

Chọn một phương án trả lời đúng nhất của mỗi câu sau (Từ câu 1 đến câu 12 và ghi vào giấy bài làm - Ví dụ: Câu 1 chọn phương án A, ghi là 1.A).

Câu 1. Cho tập A={ 8; 9; 10; 11}. Phần tử nào sau đây thuộc tập A?

A. 4. **B.** 6. **C.** 7. **D.** 8.

Câu 2. Chữ số 3 trong số 3786 có giá trị là

A. 3000. **B.** 300. **C.** 30. **D.** 3.

Câu 3. Tập hợp P các số tự nhiên nhỏ hơn 6 là

A. P={1; 2; 3; 4; 5} . **B.** P ={1; 2; 3; 4; 5; 6}.

C. P ={0; 1; 2; 3; 4; 5}. **D.** P ={0; 1; 2; 3; 4; 5; 6}.

Câu 4. Kết quả phép tính 19 – 15 + 3 bằng

A. 1. **B.** 2. **C.** 3. **D.** 7.

Câu 5. Chỉ ra cặp số tự nhiên liền trước và liền sau của số 100.

A. (101; 102). **B.** (98; 99). **C.** (99; 101). **D.** (200; 300).

Câu 6. Kết quả của $4^5 . 4^2$ dưới dạng lũy thừa của một số tự nhiên là

A. 4^3. **B.** 4^4. **C.** 4^6. **D.** 4^7.

Câu 7. Kết quả phép tính 5^2 bằng

A. 10. **B.** 7. **C.** 25. **D.** 32.

Câu 8. Trong các số tự nhiên sau số nào là số nguyên tố?

A. 19. **B.** 20. **C.** 21. **D.** 22.

Câu 9. Số tự nhiên chia hết cho cả 2 và 5 có chữ số tận cùng bằng

A. 0 hoặc 5. **B.** 0. **C.** 2 hoặc 5. **D.** 5.

Câu 10. Trong hình lục giác đều mỗi góc có số đo bằng

A. 60^0. **B.** 45^0. **C.** 90^0. **D.** 120^0.

Câu 11. Hãy cho biết các biển báo giao thông nguy hiểm dưới đây có dạng hình gì?

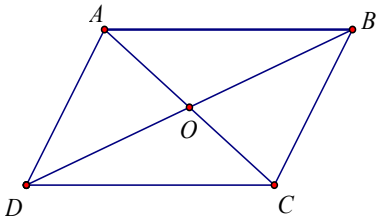


Biển 1 Biển 2 Biển 3

A. Hình vuông **B.** Tam giác đều **C.** Hình thoi **D.** Hình chữ nhật

Câu 12. Trong hình bình hành có

A. bốn cạnh bằng nhau. **B.** hai góc đối bằng nhau.
C. hai đường chéo bằng nhau. **D.** hai góc kề bằng nhau.



II. TỰ LUẬN: *(7,0 điểm)*

Bài 1. *(3,5 điểm)*

1.1 / Viết tập hợp A các số tự nhiên nhỏ hơn 6. Tập hợp A có bao nhiêu phần tử?

1.2/ Thực hiện phép tính: (hợp lí nhất nếu có thể)

a) $285 + 470 + 115 + 230$

b) $3.2^3 + 24:(2024 + 1)^0$

1.3/ Trong các số tự nhiên sau: 1020; 2021; 3022; 4023; 5024; 6025.

a) Số nào chia hết cho 2?

b) Số nào chia hết cho 5?

Bài 2. *(1,25 điểm)*

a) Phân tích các số 63 và 84 ra thừa số nguyên tố.

b) Từ kết quả câu a, tìm ƯCLN(63;84).

Bài 3. *(1,5 điểm)* Sân vườn nhà Bác Trung dạng hình chữ nhật có chiều rộng 5 m và chiều dài 7 m.

a) Tính diện tích sân vườn nhà bác Trung?

b) Tính số tiền bácTtrung phải trả để mua thảm để lát hết cả sân vườn. Biết mỗi mét vuông gạch giá 120 nghìn đồng.

Bài 4. *(0,75 điểm)* Tìm tất cả các số tự nhiên n sao cho $2n + 12$ chia hết cho $n + 3$?

----------Hết----------

Giáo viên coi kiểm tra không giải thích gì thêm.

TRƯỜNG THCS LÝ TỰ TRỌNG
TỔ: TOÁN -TIN

KIỂM TRA HỌC KỲ I NĂM HỌC 2023 - 2024
ĐÁP ÁN & HƯỚNG DẪN CHẤM
Môn : TOÁN **– Lớp :** 6

I. TRẮC NGHIỆM: *(3,0 điểm) Mỗi phương án chọn đúng ghi 0,25 điểm.*

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đ/án	**D**	**A**	**A**	**D**	**C**	**D**	**C**	**A**	**A**	**D**	**B**	

II. TỰ LUẬN: *(5,0 điểm)*

Bài	**Lời giải**	**Điểm**
1.1 *1,0đ*	A = {0; 1; 2; 3; 4; 5} Tập A có 6 phần tử	*0,5* *0,5*
1.2 *1,5đ*	a) $285+470+115+230$ $= (285+115) + (470+230)$ $= 400 + 700$ $= 1100$ b) $3.2^3 + 24 : (2024+1)^0$ $= 3.8 + 24 : 2025^0$ $= 24 + 24:1$ $= 24 + 24 = 48$	0,25 0,25 0,25 0,25 0,25 0,25
1.3 *1,0đ*	a) Các số chia hết cho 2: 1020; 3022; 5024. b) Các số chia hết cho 5: 1020; 6025	*0,5* 0,5
2 *1,25đ*	a) $63 = 3^2.7$; $84 = 2^2.3.7$ b) Thừa số nt chung là 3; 7. ƯCLN(63; 84) = 3.7 =21	*0,5* *0,25* *0,5*
3 *1,5đ*	Diện tích sân vườn nhà bác Trung là: 5 . 7 = 35 (m^2) Số tiền Bác Trung phải trả để mua thảm lát sân là: 35 . 120000= 4 200 000 (đồng)	*0,75* *0,75*
4 *0,75 đ*	Ta có n+3 ⋮ n+3 với mọi số tự nhiên n. nên 2(n+3) =2n+6 ⋮ n+3 Mà: 2n+12=2n+6+6 Do đó để (2n + 12) ⋮ n+3 thì 6 chia hết cho n+3 nên n+3 thuộc Ư(6)={1; 2; 3; 6} Giải từng trường hợp ta đc: n= 0; 3.	*0,25* *0,25* *0,25*

Lưu ý:

1) Học sinh có thể giải cách khác nếu đúng thì vẫn ghi điểm tối đa.

2) Cách tính điểm toàn bài = (Số câu TN đúng x 0,25) + điểm TL